

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1399/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Phương Trang

2. Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 762/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 606/2024/QĐXXST-DS ngày 01/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2024/QĐST-DS ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Trụ sở: xxx N, phường W, quận R, Thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: bà Hứa T P K, sinh năm 19xx; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (Giấy ủy quyền số 1175/UQ-QLN, ngày 26/7/2024 – bà Hứa T P K có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn N H, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số zzaa đường K, khu phố S (cũ), phường A, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 25/02/2011, Ngân hàng TMCP A(sau đây gọi tắt là A) đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn N H căn cứ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm có: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng), chi tiết như sau:

Số thẻ tín dụng : 4365 99** ***** 4862
 Ngày cấp : 09/3/2011
 Loại thẻ : Visa Platinum
 Hạn mức thẻ : 200,000,000 đồng
 Hiệu lực thẻ : tháng 03/20xx

Lãi suất (trong hạn, quá hạn): Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn N H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

- Ngày 12/8/20xx, A đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn N H.

- Ngày 13/8/20xx, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 27/9/20xx, ông Nguyễn N H còn nợ A các khoản nợ sau:

- Vốn gốc: 203,955,463 đồng
- Lãi quá hạn: 909,688,978 đồng
- Tổng cộng: 1,113,644,441 đồng

Nay A yêu cầu:

- Ông Nguyễn N H trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 27/9/20xx là 1,113,644,441 đồng, gồm: vốn gốc là 203,955,463 đồng, lãi quá hạn là 909,688,978 đồng.

- Ông Nguyễn N H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, kể từ ngày 28/9/20xx đến ngày trả hết nợ.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là ông Nguyễn N H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* ông Nguyễn N H đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa A và ông Nguyễn N H là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà hai bên đã ký vào ngày 25/02/20xx.

[1. 2] Địa chỉ của bị đơn được ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 25/02/20xx là: Thường trú: zaa đường K, khu phố S, phường A, quận B, Thành phố H; Nơi làm việc: c Quốc lộ vv, xã P, huyện B, Thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn tại Công an xã P, huyện B và Công an phường A, quận B, kết quả: đương sự Nguyễn N H, sinh năm 19xx, hiện không đăng ký hộ khẩu thường trú, không đăng ký tạm trú,

không thực tế cư trú tại các địa chỉ nêu trên. Tại Giấy chứng minh nhân và Sổ hộ khẩu (bản photo) của bị đơn trong hồ sơ cấp thẻ tín dụng thể hiện bị đơn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số zzaa đường K, khu phố S, phường A, quận B, Thành phố H. Như vậy, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Địa chỉ số zzaa đường K, khu phố S, phường A, quận B, Thành phố H được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó Tòa án nhân dân quận Bình Tân giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2. 1] Do cá nhân ông Nguyễn N H giao dịch với A, A cũng chỉ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn N H trả tiền. Ông Nguyễn N H cũng không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông Nguyễn N H (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét trách nhiệm liên đới giữa ông Nguyễn Ngọc Hiền và vợ ông Nguyễn N H (nếu có) để trả nợ cho A do không có đương sự nào yêu cầu.

[2. 2] Bà Hứa T P K (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn N H là bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2. 3] Bị đơn là ông Nguyễn N H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 25/02/20xx, ông Nguyễn N H đã ký với A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Về chủ thể, A có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; ông Nguyễn N H có đủ năng lực

hành vi dân sự; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn N H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 12/8/20xx, A đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn N H.

Như vậy, ông Nguyễn N H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn N H phải thanh toán cho A số tiền nợ gốc là 203,955,463 đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả nợ lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm vi phạm thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/02/20xx, lãi suất quá hạn được áp dụng là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, A yêu cầu ông Nguyễn N H thanh toán khoản lãi quá hạn tính từ ngày 12/8/2013 đến ngày 27/9/2024 là 909,688,978 đồng là có căn cứ.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5.2] Ông Nguyễn N H phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn N H liên quan đến Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 25/02/20xx.

1. 1. Ông Nguyễn N H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 1,113,644,441 (một tỷ, một trăm mười ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi một) đồng, gồm: nợ gốc là 203,955,463 (hai trăm lẻ ba triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi ba) đồng, lãi quá hạn là 909,688,978 (chín trăm lẻ chín triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi tám) đồng.

1. 2. Ông Nguyễn N H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 25/02/2011.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 20,732,026 (hai mươi triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, không trăm hai mươi sáu) đồng theo biên lai số 0027149 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. 2. Ông Nguyễn N H phải nộp 45,409,333 (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên